

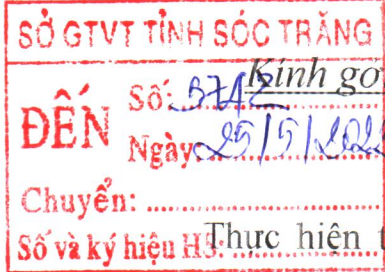
LM HTX TỈNH SÓC TRĂNG
HTX DỊCH VỤ VẬN TẢI
THỐNG NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 72/2022-CV

Sóc Trăng, ngày 24 tháng 05 năm 2022

V/v: kê khai giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu



SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH SÓC TRĂNG

Thực hiện Thông tư 56 /2014/TT-BTC ngày 28/04/2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/ NĐ- CP ngày 14/11/2013 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá và Thông Tư số 233/2016//TT- BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung 1 số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC

HTX Dịch Vụ Vận Tải Thống Nhất gửi bảng kê khai mức giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 30/05/2022

HTX Dịch Vụ Vận Tải Thống Nhất xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./..

Nơi nhận:

- Sở GTVT Sóc Trăng
- Sở GTVT Bình Dương
- Sở Tài chính Sóc Trăng
- BX Ngã Năm
- BX An Phú
- Lưu



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Văn Trung

- Họ tên người nộp biểu mẫu: Lê Thị Huỳnh Trân
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: 137 Nguyễn Huệ, k3, Phường 1. TP Sóc Trăng
- Số điện thoại liên lạc: 0299.3826919
- Email: vtthongnhat@gmail.com

Sóc Trăng, ngày 24 tháng 05 năm 2022

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số: 72 ngày 24 tháng 01 năm 2022 của HTX Dịch Vụ Vận Tải Thống Nhất)

1. Mức kê khai bán trong nước hoặc xuất khẩu (bán buôn, bán lẻ): Các mức giá tại cửa kho/ nhà máy, tại các địa bàn, khu vực khác (nếu có)

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành	Mức giá kê khai mới	Mức tăng giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
01	Giá cước tuyến cố định - Ngã Năm (ST) đi An Phú (BD) - An Phú (BD) đi Ngã Năm (ST)	Cự ly 265 km	Đồng /HK		115.000			Ghế

2. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá : Kê khai giá lần đầu tuyến mới khai thác .

3. Ghi rõ các chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng, các Điều kiện vận chuyển, giao hàng bán hàng kèm theo mức giá kê khai (nếu có)

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 30 /05/2022

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

Nguyễn Văn Trung

PHƯƠNG ÁN GIÁ

Tên dịch vụ: giá cước vận tải tuyến cố định: **Ngã Năm (ST) – An Phú (BD)**

Đơn vị cung ứng: HTX DỊCH VỤ VẬN TẢI THỐNG NHẤT

I./ BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ:

Số TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Thành tiền	Ghi chú
A	<u>Sản lượng tính giá</u>			
	Lượng luân chuyển khách B/Q 1 xe trong 1 tháng	HK/Km	163.240	
B	<u>Chi phí sản xuất kinh doanh</u>			
1	Chi phí nhiên liệu	đồng	30.333.000	
2	Dầu nhớt và vật liệu phụ	đồng	2.374.000	
3	Lương lái, phụ xe	đồng	7.000	
4	Khấu hao cơ bản	đồng	7.083.000	
5	Khấu hao sửa chữa	đồng	5.666.000	
6	Chi phí sắm lốp	đồng	3.392.000	
7	Chi phí quản lý	đồng	11.623.000	
	Tổng chi phí sản xuất KD	đồng	67.471.000	
	<u>Giá thành toàn bộ</u>			
C	1 đơn vị sản phẩm HK/Km	đồng	413	
	- Lãi + thuế dự tính 5%	đồng	21	
	- Giá vé: $(413+21) \times 265^{Km}$	đồng	115.000	

II./ Giải trình chi tiết cách tính các khoản chi phí:

- Tuyến Ngã Năm (ST) – An Phú (BD) cự ly 265 Km
- Xe khách trọng tải: 29 Ghé ; năm sản xuất 2022
- Mỗi tháng hoạt động 14 tour tương đương $14 \times 2 \times 265^{Km} = 7420^{Km}$
- Lượng khách vận chuyển B/Q 75% trong tải xe tương đương $22^{HK/chuyển}$
- Lượng khách luân chuyển B/Q 1 tháng $22^{HK} \times 7.420^{Km} = 163.240^{HK/Km}$

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TRONG 1 THÁNG

1/ Chi phí nhiên liệu định mức: 16^{lit} dầu cho 100^{km}

$$\frac{25.550^d \times 16^{lit} \times 7.420}{100^{km}} = 30.333.000^d$$

2/ Dầu nhờn và vật liệu phụ: 2% số lượng nhiên liệu.

$$100.000^d \times 2\% \times \frac{16 \times 7420}{100} = 2.374.000^d$$

3/ Lương lái, phụ xe: Xe bố trí 1 lái xe 500.000^{d/tour}, vậy lương tháng mỗi người là:

$$500000^d \times 14^{tour} = 7.000.000^d$$

4/ Khấu hao cơ bản: giá trị tài sản 1.700.000.000^d thời gian sử dụng 20 năm

$$\frac{1.700.000.000^d}{20^{năm} \times 12^{tháng}} = 7.083.000^d$$

5/ Khấu hao sửa chữa: Tỷ lệ khấu hao 1 năm là 4% giá trị tài sản.

$$\frac{1.700.000.000^d \times 4\%}{12^{tháng}} = 5.666.000^d$$

6/ Chi phí sắm lốp: định mức sử dụng 1 bộ lốp 35.000^{km} giá 4.000.000^d / bộ

$$\frac{4.000.000^d \times 7.420^{km} \times 4^{bộ}}{35.000^{km}} = 3.392.000^d$$

7/ Chi phí quản lý: 11.623.000^d

- phí sử dụng đường bộ 1 tháng	=	390.000 ^d
- Bảo hiểm TNDS và HK 1 tháng	=	693.000
- Lệ phí bến 310.000 ^d x 14 ^{tour}	=	4.340.000
- Phí đường 300.000 ^d x 14 ^{tour}	=	4.200.000
- Phí khác:	=	2.000.000
* Tổng cộng	=	67.471.000

LẬP BIỂU

Lê Thị Huỳnh Trần

Sóc Trăng, ngày 24 tháng 05 năm 2022
HTX DỊCH VỤ VẬN TẢI THÔNG NHẤT

Giám đốc



Nguyễn Văn Trung